



Chú hé

滁河

noun · Chu River (in Anhui province)

Example Sentence

Chú hé de shuǐ hěn qīng chè

滁河的水很清澈。

The water of the Chu River is very clear.

Trace each character, then write the word on your own.

滁	滁	滁	滁	滁	滁	滁	滁	滁	滁	滁
滁	滁	滁	滁							
河	河	河	河	河	河	河	河	河	河	河